

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 7 và 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị G, sinh năm 1982; Có mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1982; Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị G trình bày:

Chị và anh Q cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/7/2006. Vợ, chồng có 02 con chung tên Trần Thị Bảo T, sinh ngày 19/3/2007 và Trần Bảo P, sinh ngày 08/8/2010. Cuộc sống vợ, chồng lúc đầu có hạnh phúc. Đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân do chị đi làm, anh Q ở nhà ghen tuông vô cớ, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Khoảng tháng 4/2024 thì vợ, chồng không còn sống chung, chị bỏ đi về nhà mẹ ruột ở xã T sinh sống cho đến nay. Từ lúc không sống chung thì vợ, chồng không có gặp nhau để hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Q. Về nuôi con chung: Hiện Bảo T và Bảo P đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho các con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Q không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Phan Thị G được ly hôn với anh Trần Văn Q. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung 02 con chung tên Trần Thị Bảo T, sinh ngày 19/3/2007 và Trần Bảo P, sinh ngày 08/8/2010 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chưa có yêu cầu nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết, còn anh Q không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị G và anh Trần Văn Q được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định

tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét, yêu cầu của chị G là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị G và anh Q có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Chị G và anh Q đã không còn sống chung, hiện tại vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh Q để hòa giải và xét xử theo quy định nhưng anh Q vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị G và anh Q không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 19/3/2007 và Trần Bảo P, sinh ngày 08/8/2010, hiện các con đang sống ổn định với chị G và có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị G, anh Q chưa có yêu cầu nuôi con nên chấp nhận giao Bảo T và Bảo P cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng, chưa có yêu cầu nên chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị G. Cho chị Phan Thị G được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về việc nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị G. Chị G được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 19/3/2007 và Trần Bảo P, sinh ngày 08/8/2010.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006082 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình

